TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2018/HS-ST
Ngày: 02-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Khanh**, nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: ấp An Ninh 1, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ông **Trần Xươnne**, nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: ấp An Thành, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Thư ký phiên toà: Ông **Lâm Thành Lũy** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông **Phạm Văn Cưng** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2018/TLST-HS, ngày 24 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/HSST-QĐ, ngày 19/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Duy H (Tên gọi khác: T), sinh ngày 28/11/1996. Nơi sinh: xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Nơi ĐKHKTT: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (Không rõ họ và tên cha) và bà Nguyễn Thị C; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Anh chị em ruột gồm 03 người, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất là bị cáo.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/5/2018 đến ngày 23/5/2018 chuyển tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy H (T): Luật sư Phạm Văn Hùng - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng.

- Bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951.
Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)
+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1975.
Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Đặng Thanh P, sinh ngày 30/5/1996.
Nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Bến Giá, Bộ Công an (có mặt).
+ Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1949.
Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).
+ Ông Vương Vinh H, sinh năm 1994.
Nơi cư trú: Số nhà 32/2, ấp T, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
+ Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1970.
Nơi cư trú: Số nhà 5/7, ấp H, xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
+ Bà Nguyễn Thị Minh T (Q), sinh năm 1984.
Nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người tham gia tố tụng khác: Những người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thu N, sinh năm 1984.
Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).
+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967.
Nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).
+ Ông Đỗ Hoàng G, sinh ngày 26/9/1994.
Nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).
+ Anh Nguyễn Khắc T (T), sinh ngày 29/5/2001.
Nơi cư trú: ấp Mỹ, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).
+ Ông Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19/3/1997.
Nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).
+ Anh Nguyễn Khắc D, sinh ngày 29/5/2001.
Nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tại liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14/5/2018, Đặng Thanh P, sinh năm 1996, ngụ ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng gọi điện thoại Zalo với bạn của P tên T1 (không rõ họ, địa chỉ, nơi cư trú) đang sống tại thành phố Hồ Chí Minh, khi nào về Sóc Trăng thì giao ma túy đá cho P thì T1 đồng ý và T1 hẹn với P đến ngày 19/5/2018 về Sóc Trăng sẽ giao ma túy cho P.

Đến khoảng 13 giờ ngày 18/5/2018, P điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 83C1-393.91 đi đến chỗ chơi game và ở lại nhà của Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19/3/1997, Nguyễn Khắc T, sinh ngày 29/5/2001 và Nguyễn Khắc D, sinh ngày 29/5/2001 cùng ngụ ấp M, xã N (L, T và D là anh em ruột). Đến khoảng 03 giờ ngày 19/5/2018, T1 cùng với Nguyễn Duy H (T), sinh ngày 28/11/1996, ngụ ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (H là bạn của P) đi từ thành phố Hồ Chí Minh về đến nhà của L giao cho P một gói ma túy đá (Methamphetamine) và P trả tiền cho T1 với số tiền 1.000.000đồng. P lấy gói ma túy đá đưa cho T và kêu T lấy ra một ít sử dụng cùng với T, T1 Liêm và D.

Đến khoảng 06 giờ ngày 19/5/2018, H mượn xe mô tô biển kiểm soát 83C1-393.91 của P để chở T1 đi huyện M, tỉnh Sóc Trăng để tìm mẹ của T1 nhưng không gặp. H điều khiển xe chở T1 trở về huyện K, trên đường về, khi đi đến cầu A thuộc ấp A, thị trấn K, T1 phát hiện bà Nguyễn Thu N điều khiển khiển xe mô tô chở bà Nguyễn Thị T (là mẹ của N), bà T có đeo sợi dây chuyền vàng trên cổ nên T1 rủ H chạy theo xe mô tô của N để giật sợi dây chuyền bà T thì H đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở T1 đi theo xe mô tô của N, khi đi đến đoạn đường đal vắng người thuộc ấp P, xã A, H điều khiển xe vượt qua xe của N rồi dừng lại quay đầu xe về hướng thị trấn K, khi xe do N điều khiển chạy vừa đến chỗ H đậu xe thì T1 dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ của bà T làm rơi lại mặt dây chuyền trên lộ, rồi H điều khiển xe mô tô chở T1 bỏ chạy về hướng thị trấn K. Trên đường đi, T1 nói với H, sợi dây chuyền bị rớt lại trên lộ đal.

Khi đi đến cầu T thuộc ấp A, thị trấn K, T1 phát hiện bà Trần Thị T có đeo kiềng vàng trên cổ, chở cháu N (07 tuổi) lưu hành trên tuyến lộ đal từ cầu T đi về hướng ấp A, xã N. T1 rủ H chạy xe mô tô theo bà T để giật kiềng vàng thì H đồng ý, H điều khiển xe mô tô chở T1 đi theo sau bà T đến đoạn đường đal vắng người thuộc ấp A, xã T, H điều khiển xe vượt ngang xe của bà T thì T1 dùng tay giật kiềng vàng đeo trên cổ của bà T làm kiềng vàng bị đứt, bà T và cháu N té xuống lộ dal, T1 lấy được chiếc kiềng vàng còn mặt kiềng thì rơi lại. H tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T1 đi về hướng ấp A, xã N và chạy về nhà của L ở ấp M, xã N trả xe mô tô cho P. Sau đó, H và T1 đón xe đi thành phố Hồ Chí Minh, T1 và H bán chiếc kiềng vàng đã giật được của bà T cho tiệm vàng K, tại xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh do bà Phạm Thị Ngọc H làm chủ với số tiền 4.000.000đồng, H và T1 chia nhau số tiền trên (T1 được số tiền 2.300.000đồng, H được số tiền 1.700.000đồng), H đã trả cho ông Vương Vinh H là bạn của H 1.000.000đồng tiền mượn trước đó, còn lại 700.000đồng H đã tiêu xài hết.

Sau khi nhận được tố giác của bà T và bà T, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra xác minh và chứng minh được Nguyễn Duy H cùng T1 là người cướp

giật tài sản của bà T và bà T. Tại Cơ quan điều tra, H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15, 16 ngày 11/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận: Tài sản mà T1 và H chiếm đoạt của bà T có giá trị: 12.831.000đồng và tài sản mà T1 và H chiếm đoạt của bà T có giá trị: 10.455.900đồng. Tổng cộng: 23.286.900đồng.

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ thu được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Duy H (T) về tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-H.KS, ngày 22/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng để xét xử bị cáo Nguyễn Duy H (T) về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như cáo trạng đã truy tố. Bị hại Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã thu hồi được toàn bộ tài sản và đã giao trả cho bà T, bà T không yêu cầu gì trong vụ án này. Bị hại Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa trình bày trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã thu hồi được mặt dây chuyền và đã giao trả cho bà T, đối với sợi dây chuyền bị mất theo kết quả định giá là 10.920.000đồng bà thống nhất. Hiện nay bà Nguyễn Thị Minh T (chị ruột bị cáo H) đã nộp 10.920.000đồng khắc phục hậu quả cho bà nên bà không yêu cầu gì trong vụ án này, bà có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn Y không có ý kiến gì. Ông Đặng Thanh P yêu cầu được nhận lại xe mô tô mang biển kiểm soát 83C1-393.91, giấy đăng ký xe và điện thoại di động hiệu OPPO và sim điện thoại mà Cơ quan điều tra đã thu giữ. Bà Phạm Thị Ngọc H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 4.000.000đồng bà đã mua sợi dây chuyền, hiện nay bà đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách. Ông Vương Vinh H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000đồng mà ông đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách. Bà Nguyễn Thị Minh T (chị ruột bị cáo H) đã nộp 10.920.000đồng khắc phục hậu quả cho bị hại T bà không yêu cầu bị cáo H và T1 trả lại số tiền trên.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng. Sau khi luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

- Hình phạt bổ sung: Không.

- Về vật chứng:

+ Đề nghị áp dụng: điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái áo tay ngắn, màu xanh; 01 cái quần jean màu đen xám; 02 cái nón bảo hiểm, 01 dép quai kẹp bằng nhựa.

+ Đề nghị áp dụng: khoản 1, khoản 2, điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 , điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật TTHS: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000đông là tiền do H phạm tội mà có và buộc H tiếp tục giao nộp 700.000đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Đề nghị trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Đặng Thanh P: 01(một) chiếc xe mô tô mang biển số 83C1-393.91 và giấy đăng ký xe mang tên Đặng Thanh P; 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A57 cùng 01 sim điện thoại số 01626588657.

Còn các vật chứng là Kiềng vàng của bà T và mặt dây chuyền vàng của bà T, trong quá tình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã trả lại cho bị hại nên không đặt ra xem xét.

- Về phần dân sự:

Trong quá trình điều tra bị hại T đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu, bị hại T đã được gia đình của bị cáo khắc phục bồi thường xong và không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Đề nghị áp dụng theo quy định của pháp luật về án phí và lệ phí.

Tại phiên tòa, vị Luật sư bào chữa cho bị cáo H cho rằng bị cáo không trực tiếp phạm tội. Về tình tiết giảm nhẹ đồng tình với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là: tài sản đã được thu hồi giao trả cho bị hại nên thiệt hại không lớn theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù là quá nghiêm khắc. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt là 03 năm tù. Về phần xử lý vật chứng, tài sản và phần dân sự thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt những người tham gia tố tụng là bị hại bà Trần Thị T và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị Ngọc H và ông Vương Vinh H. Bà bà Phạm Thị Ngọc H và ông Vương Vinh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi Hội đồng xét xử tiến hành hội ý tại chỗ căn cứ vào các Điều 292 và điểm d

khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Duy H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra, biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Vào sáng ngày 19/5/2018, tại ấp P, xã A và tại ấp A, xã T, Nguyễn Duy H đã có hành vi điều khiển xe mô tô chở T1 (dùng thủ đoạn nguy hiểm) để cướp giật tài sản của bà T là sợi dây chuyền vàng cùng mặt dây chuyền vàng có giá trị 12.831.000đồng và tài sản của bà T là chiếc vòng kiềng vàng cùng mặt kiềng vàng có giá trị 10.455.900đồng. Tổng cộng H đã cướp giật tài sản của hai bị hại là 23.286.900đồng. Sau đó, H và T1 đón xe đi thành phố Hồ Chí Minh cùng bán chiếc kiềng vàng đã giật được của bà T cho tiệm vàng K, tại xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh do bà Phạm Thị Ngọc H làm chủ với số tiền 4.000.000đồng, H và T1 chia nhau số tiền trên (T1 được số tiền 2.300.000đồng, H được số tiền 1.700.000đồng), H đã trả cho ông Vương Vinh H là bạn của H 1.000.000đồng tiền mượn trước đó, còn lại 700.000đồng H đã tiêu xài hết.

[2.2] Hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm để cướp giật tài sản của người khác hai lần liên tiếp có tổng giá trị 23.286.900đồng mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[2.3] Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây nguy hiểm đến tính mạng của bị hại. Bị cáo có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, bị cáo dùng xe mô tô là nguồn nguy nghiểm cao độ để làm phương tiện Cướp giật tài sản của các bị hại đang đi trên xe mô tô ở những đoạn đường nông thôn vắng người qua lại (đối với bị hại là phụ nữ) làm cho họ bị bất ngờ không kịp phản ứng, nhằm chiếm đoạt tài sản của họ. Từ đó đã gây ra tâm lý hoang mang, lo sợ cho người dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng một hình phạt tù nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội, để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội sau này và đồng thời cũng răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[2.4] Về tình tiết tăng nặng: Vào ngày 19/5/2018 bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của hai bị hại, ở hai địa điểm khác nhau và mỗi lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[2.5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Duy H trước khi phạm tội là người chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo có cậu ruột tên Nguyễn Tấn C là liệt sĩ. Tại phiên tòa bị hại T xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2.6] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách:

- Hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

- Hình phạt bổ sung: Không.

- Về vật chứng:

+ Đề nghị áp dụng: điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cái áo tay ngắn, màu xanh; 01 cái quần jean màu đen xám; 02 cái nón bảo hiểm, 01 dép quai kẹp bằng nhựa.

+ Đề nghị áp dụng: khoản 1, khoản 2, điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật TTHS: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000đồng là tiền do H phạm tội mà có và buộc H tiếp tục giao nộp 700.000đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Đề nghị trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Đặng Thanh P: 01(một) chiếc xe mô tô mang biển số 83C1-393.91 và giấy đăng ký xe mang tên Đặng Thanh P; 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A57 cùng 01 sim điện thoại số 01626588657.

Còn các vật chứng là Kiềng vàng của bà T và mặt dây chuyền vàng của bà T, trong quá tình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã trả lại cho bị hại nên không đặt ra xem xét.

- Về phần dân sự:

Trong quá trình điều tra bị hại T đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu, bị hại T đã được gia đình của bị cáo khắc phục bồi thường xong và không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.7] Đề nghị của vị Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa cho rằng bị cáo không trực tiếp phạm tội. Về tình tiết giảm nhẹ đồng tình với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là: tài sản đã được thu hồi giao trả cho người bị hại nên thiệt hại không lớn theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghi của xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù là quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt là 03 năm tù. Về phần xử lý vật chứng, tài sản và phần dân sự thống nhất với đề nghị của đại

diện Viện kiểm sát. Xét thấy đề nghị của vị luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo không trực tiếp phạm tội là không có căn cứ chấp nhận vì chính bị cáo là người điều khiển xe áp sát xe của các bị hại đang lưu thông trên đường để cho T1 thực hiện 02 lần cướp giật tài sản và sau đó bị cáo trực tiếp đi bán tài sản trên; Về đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là: tài sản đã được thu hồi giao trả cho người bị hại nên thiệt hại không lớn theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ chấp nhận vì mặt dù các bị hại đã nhận lại được toàn bộ tài sản nhưng vì mặt dây chuyền của bị hại T và mặt vòng kiềng vàng của bị hại T bị rơi lại tại hiện trường là ngoài mong muốn của bị cáo. Đối với chiếc vòng kiềng vàng của bị hại T thu hồi được là do khi bị bắt qua đấu tranh khai thác của Cơ quan cảnh sát điều tra, bị cáo mới khai nhận và được người mua là bà Phạm Thị Ngọc H tự nguyên giao nộp cho Cơ quan điều tra mà không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 4.000.000đồng nên không được xem là thiệt hại không lớn. Về đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt là 03 năm tù là không đủ căn cứ để chấp nhận.

[3] Đối với tên T1 (không rõ họ, địa chỉ, nơi cư trú), Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đang tiến hành xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[4] Đối với bà Phạm Thị Ngọc H đã mua tài sản do Nguyễn Duy H cướp giật mà có nhưng bà H không biết đây là tài sản do cướp giật mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[5] Đối với ông Vương Vinh H có nhận số tiền 1.000.000đồng của Nguyễn Duy H từ số tiền do Nguyễn Duy H cướp giật mà có để trả nợ cho anh nhưng anh Hạnh không biết đây là tiền do Hòa phạm tội mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[6] Đối với Đặng Thanh P có cho Nguyễn Duy H mượn xe mô tô biển kiểm soát 83C1-393.91 của P nhưng P không biết H thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[7] Hành vi liên quan đến chất ma túy của T1, P, T, L và D đã được xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên không đặt ra xem xét.

[8] Đối với số tiền 10.920.000đồng bà Nguyễn Thị Minh T (chị ruột bị cáo H) đã nộp khắc phục hậu quả cho bị hại T bà không yêu cầu bị cáo H và T1 trả lại số tiền trên. Bị cáo H không yêu cầu T1 liên đới bồi thường. Xét thấy đây là ý chí tự nguyên của bà T và bị cáo H nên Hội đồng xét xử không đạt ra xem xét.

[9] Bà Phạm Thị Ngọc H không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 4.000.000đồng bà đã mua sợi dây chuyền mà hiện nay bà đã tự nguyên giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách. Ông Vương Vinh H không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000đồng ông đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của bà Ngọc H và ông Vinh H nên Hội đồng xét xử không đạt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy H (T) phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H (T) 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ Dép, bằng nhựa, viền trên và quai dép màu trắng, mặt dưới màu xanh loại quai kẹp (01 đôi);

+ Áo thun, tay ngắn, màu xanh, mặt trước có in chữ JUSIFLY, SPOTS và hình người có cánh (01 cái);

+ Quần Jean màu đen xám (01 cái);

+ Nón bảo hiểm (02 cái).

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 2, điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2, điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ Số tiền 1.000.000đồng là tiền do Hòa phạm tội mà có (01 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000 đồng có số seri QS 15143655, 01 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000 đồng có số seri YV 16447140) và buộc Hòa tiếp tục giao nộp 700.000đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Đặng Thanh P: 01 (một) chiếc xe mô tô mang biển số 83C1-393.91 và giấy đăng ký xe mang tên Đặng Thanh P; 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A57 cùng 01 sim điện thoại số 01626588657.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy H là người bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày giao

nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6) Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (PKTNV-THA);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Kế Sách;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã N;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình